

## TƯ LIỆU

## BÀI TRÙNG TU HIỂN TRUNG TỬ KÝ Ở ĐỀN CHIÊU TRUNG BÌNH ĐỊNH

Cao Tụ Thanh\*

Năm 1799, Nguyễn Ánh chiếm được thành Quy Nhơn, đổi tên là thành Bình Định, kế rút quân về Gia Định, sai Chương Hậu quân Võ Tánh và Lễ Bộ Ngô Tông Châu ở lại trấn thủ. Quân Tây Sơn vào đánh, Thiếu phó Trần Quang Diệu vây thành, Tư đồ Võ Văn Dũng giữ cửa Thi Nại chặn không cho quân Nguyễn ra cứu viện. Qua 1801 Nguyễn Ánh đem quân ra cứu, phá được thủy đồn Tây Sơn ở Thi Nại, Võ Văn Dũng thua chạy nhưng lại kéo quân tới hợp lực với Trần Quang Diệu đánh thành Bình Định càng gấp. Nguyễn Ánh sai người bí mật vào thành bảo Võ Tánh bỏ thành phá vây ra hội hợp với đại quân, Võ Tánh lại gửi thư khuyên Nguyễn Ánh nhân lúc binh lực Tây Sơn tập trung ở thành Bình Định, Phú Xuân bỏ trống, cứ đem quân chiếm Phú Xuân, “đổi một mạng thần để lấy Phú Xuân là đủ”. Nguyễn Ánh gạt lệ đem quân đi, quả nhiên chiếm được Phú Xuân, kế sai Lê Văn Duyệt, Lê Chất theo đường bộ vào cứu, nhưng quân Nguyễn tới Quảng Ngãi thì thành Bình Định đã bị hạ. Sử chép trước khi thành bị hạ, Võ Tánh nói với Ngô Tông Châu “Ta là chủ tướng, không cùng giặc cùng sống, ông là văn thần, giặc ắt không giết, nên tính cách tự toàn tính mạng”. Ngô Tông Châu đáp “Trung ái chỉ có một, đâu chia văn võ. Tướng quân có thể vì nước tử nạn, Tông Châu lại không thể làm tôi tận trung sao”, rồi về phủ uống thuốc độc tự tử. Võ Tánh được tin ngậm ngùi nói “Ông Ngô đi trước ta một bước rồi”, sai người khâm liệm chu đáo rồi sai người đem khẩu súng của mình ra thành đưa cho Trần Quang Diệu, có ý gợi gắm xin Quang Diệu không giết hại tướng sĩ dưới quyền. Kế lên lầu Bát Giác trong thành sai quân chất củi ở dưới, rắc thuốc súng vào rồi xua mọi người lui ra, vút điều thuốc đang hút xuống phóng hỏa tự thiêu. Có một viên Cai đội là Nguyễn Văn Huyền được tin chạy tới nhảy vào lửa chết chung với Võ Tánh. Về sau nhà Nguyễn lập đền Chiêu Trung ở Bình Định thờ Võ Tánh và Ngô Tông Châu, Nguyễn Văn Huyền cũng được thờ phụ vào.

*Đại Nam nhất thống chí, Tỉnh Bình Định*, mục *Cổ tích* ghi “Thành cũ Chà Bàn: ở địa phận ba thôn Nam Định, Bắc Thuận và Bả Canh về phía đông bắc huyện Tuy Viễn (...). Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc chiếm cứ thành này, nhân nền cũ xây đá ong, tiếm xưng là thành Hoàng Đế (...). Trong thành có đền Chiêu Trung thờ Hoài quốc công Võ Tánh và Ninh Hòa quận công Ngô Tông Châu”. Cụ thể hơn,

\* Thành phố Hồ Chí Minh.

mục *Đền miếu* ghi đền Chiêu Trưng “ở thôn Nam Định, phía bắc huyện Tuy Viễn”, lúc vừa xây dựng có tên là đền lầu Bát Giác, năm Tự Đức thứ 4 (1851) đổi tên là đền Chiêu Trưng. Trong kháng chiến chống Pháp 1945 - 1954, ngôi đền này được nhân dân và thân hào, phụ lão địa phương tình nguyện dỡ bỏ để phục vụ mục đích tiêu thổ kháng chiến, sau 1954 được chính quyền Việt Nam Cộng hòa xây dựng lại, sau tháng 4/1975 được chính quyền các cấp quan tâm tôn tạo tu bổ, trở thành một bộ phận thường được gọi là lăng Võ Tánh trong quần thể di tích Thành Hoàng Đế ở thị xã An Nhơn tỉnh Bình Định hiện nay.

Về cái chết của Võ Tánh và Ngô Tông Châu, không những các bộ chính sử của triều Nguyễn về sau như *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập*, *Đại Nam thực lục chính biên đệ nhất kỷ* đều chép khá chi tiết mà nhiều tác giả đương thời như Đặng Đức Siêu với bài *Văn tế Chưởng Hậu quân Võ Tánh và Lễ Bộ Ngô Tông Châu*, Ngô Nhơn Tịnh, Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định với các bài *Võ Hậu quân hỏa*, *Ngô Lễ Bộ tửu* cũng bày tỏ lòng tiếc thương, sự kính trọng với hai người bạn đồng liêu như những anh hùng xả thân vì nước. Cho đến đời Tự Đức (1848 - 1883), đền Chiêu Trưng ở Bình Định vẫn là một trong những địa chỉ quan trọng trong hệ thống bảo tàng sáng nghiệp và trung hưng của triều Nguyễn, được chính quyền thường xuyên chăm nom tu bổ. Nhưng sau khi người Pháp đô hộ Việt Nam, hệ thống ấy không còn được quan tâm như trước nữa, ngoài Triệu Miếu thờ Nguyễn Cam, Thái Miếu thờ Nguyễn Hoàng cùng các chúa Nguyễn, Hưng Miếu thờ Nguyễn Phước Luân (cha Nguyễn Ánh) và Thế Miếu thờ Nguyễn Ánh (vua Gia Long) cùng các vua nhà Nguyễn đã mất hay một số lăng mộ vua chúa hậu phi ở Huế thì những kiến trúc loại này cũng bị bỏ bê nên dần dần xuống cấp. Nhưng giữa những xáo trộn thời cuộc lúc Chiến tranh Thế giới thứ hai sắp chính thức nổ ra, đền Chiêu Trưng lại được một số nhân sĩ và quan lại ở miền Trung đứng ra tu bổ. Bài *Trùng tu Hiển Trưng từ ký* đã xuất hiện trong hoàn cảnh nói trên.

Theo tư liệu chúng tôi có được, bài *Trùng tu Hiển Trưng từ ký* nói trên được khắc trên bốn tấm bảng (bình phong) bằng gỗ có kích thước 24 x 190cm, mỗi tấm gồm 6 dòng, mỗi dòng có tối đa khoảng 40 chữ. Trên đầu mỗi tấm đều có khung hoa văn khắc họa tiết con dơi (bức - phúc) nhưng bốn tấm đều khác hẳn nhau, rất không thống nhất, có lẽ do bốn người (hay nhóm) thợ chia nhau chế tác. Sau đây xin giới thiệu toàn văn và bản dịch tác phẩm này. Để tiện trình bày và in ấn, việc khảo đính để phục hồi được thể hiện trên bản phiên âm Việt Hán, bản chữ Hán phía sau là căn cứ để phiên dịch và chú thích.

**Phiên âm****Trùng tu Hiễn Trung từ ký****Tấm 1**

Thường đọc Đường thư, chí Trương Tuấn Hứa Viễn Tuy Dương tuần nạn sự, triếp yểm quyền trầm tư nhược hữu sở xúc, khái nhiên viết “Cổ thù vô tử, nhi hữu ích ư quốc gia, hữu quan ư phong giáo tắc kỳ tử dã phi sở vị trọng ư Thái Sơn, thiên cổ hãn kiến giả da!”. Tự độc quốc triều Hậu quân Võ công, Lễ Bộ Ngô công truyện, thả đăng Đồ Bàn thành Hiễn Trung từ tuần phỏng nhị công đương nhật tử sự di tích tắc hựu phần nhiên khởi viết “Ngã Việt nhị công Trương Hứa hậu thân dư? Bất nhiên hà địa chi tương cách sở vạn lý, thời chi tương khứ thiên dư niên nhi nghĩa phủ trung can như dã nhất lô dã!”. Phương nhị công chi bị vi ư Bình Định dã, địch thế xi tương, dĩ trọng binh áp thành tứ diện, trung ngoại thanh viện trở tuyệt, nhị công ánh cô thành bần cường khẩu, dĩ trung nghĩa khích lệ tướng sĩ, thiết phương hãn ngự, bất thiếu tòa dã thù tam niên. Ngã...

**Tấm 2**

...Thế Tổ Cao Hoàng Đế thừa thừa cơ hội đảo địch chi hư thu phục Phú Xuân cự đô, nhị công chi mật số thành chi dã. “Xuân kinh để thần mệnh” nhất ngữ quốc trọng thân khinh, thức lực đảm lực trác tuyệt thiên cổ, ô hô thượng hỹ. Nhi kỳ dữ thành câu vong dã, thường bách chiến chi nan tân, như sở niên chi toan khổ, chí ư đao chiết thực tuyệt, vạn vô khả thủ nhiên hậu dĩ oanh liệt trường vi can tĩnh thổ, tuần quốc cô trung. Tiên chi dĩ bách chiết bất hồi chi trầm nghị cơ lược vi thiên bách thế thủ thổ giả chi cốt tắc nhất tử chi sở quan giả đại dã. Phù tử nạn hỹ bản đăng trung đặc nhất nhân yên dĩ giác hy hãn, nãi đồng thời đồng địa nhi thung dung tự nghĩa bất khảng tương hậu, bất cánh nan trung chi nan tai. Thả hựu thân tử nhi kỳ hạ quần dĩ thân tuần vu kỳ cổ kim sở cần hữu giả quả hà tại tại. Quan Võ công chi ngữ tướng sĩ viết “Ngô phụng mệnh thủ thành, đương dữ thành tồn vong, khí thành thâm sinh hà diện mục kiến chủ thượng”, Ngô công chi đối Võ công “Tướng quân năng vị quốc tử nạn, Tông Châu độc bất năng vi thần tận trung hò?” chi sở ngữ giả, ầu tâm lịch huyết, thiên tải hạ văn chi do thả phách án ách uyển vô hạn cảm phần, nhi hưởng đồng tại nguy thành thân...

**Tấm 3**

...kiến kỳ nghĩa hình ư từ khí chi biểu giả tại. Kỳ cảm chi chi thâm chí ư vong tử thả cam dữ chi đồng tử giả phi ngẫu nhiên dã. Y, nhị công tử hỹ nhi hùng nghị khảng khái chi phong liệt thường bàng bạc vu khung nhường gian, sĩ đại phu văn kỳ khí giả thực bất hướng Bàn Thành từ vũ thi chúc hình hương nhất tuyên, cảm tình nhược hữu hoán khởi chi nhi bất năng tự kỷ giả. Ư dĩ tri trung nghĩa chí tính



土者之鵠則一死之所關者大也夫死難矣板蕩中得一人焉已覺希罕乃同辰同地而從容就義不肯相後不更難中之難哉且又身死而其下群以身殉尤為古今所僅有者果何在哉觀武公之語將士曰吾奉命守城當與城存亡棄城偷生何面目見主上吳公之對武曰將軍能為國死難從周獨不能為臣盡忠乎之數語者嘔心瀝血千載下聞之猶且拍案扼腕無限感奮而況同在危城親 [Tám 3] 見其義形於辭氣之表者哉其感之之深至於忘死且甘與之同死者非偶然也噫二公死矣而雄毅慷慨之風烈常磅礴于穹壤間士大夫聞其氣者孰不向槃城祠宇尸祝馨香一線感情若有喚起之而不能自己者於以知忠義至性之動人有無形之吸引力其為有益於國家有關於風教者深且遠矣以視立德立功立言古人有三不朽二工不兼而有之而更有進焉者乎今上八角樓而憑吊二公之犧牲血命非僅以上報君國而正以培植綱常地維立天柱尊南國山河猶凜凜然有生氣則二公為不死矣抑又思之張許保障江淮扼敵之右臂以一死而唐家賴之再造我國朝恢復舊都料敵完算出於二公亦以一死為中興武公第一睢陽廟貌與槃城祠宇同巍然為魯 [Tám 4] 殿靈光則張許亦不能獨擅名於前矣茲者重修葺事焚香盥手書其大者竊寓高山景行之思國人覽之將必有表同情者若夫二公之智畧勳伐與國朝褒崇之盛典列傳具在已敬錄于屏不絮。

時保大十三年戊寅仲夏成泰乙未科副榜尚書致事表川陶潘筠奉撰前進士茗園黃叔沆奉潤。

修補會同尚書致事表川陶潘筠參知致事奇峰鄧高第統制致事香浦胡文誰奉鐫

祠宇揭雙忠與天地同其悠久

樓臺仍八角偕山水漠然清高

敬拜題

### Dịch nghĩa

#### Bài ký về việc trùng tu đền Hiền Trung

Từng đọc *Đường thư*, tới việc Trương Tuân Hứa Viễn tuân nạn ở Tuy Dương<sup>(2)</sup> thì gấp sách trầm tư như có chỗ động lòng, cảm khái nói “Từ xưa ai không chết, nhưng có ích cho nước nhà, quan hệ với phong giáo thì cái chết ấy không phải nặng như Thái Sơn, ngàn thuở ít thấy sao!”. Kể đọc truyện Hậu quân Võ công, Lễ Bộ Ngô công của quốc triều, lại lên đền Hiền Trung thành Đồ Bàn tìm hỏi chuyện hai ông năm xưa lại phần chân nói “Hai ông ở nước Việt ta là thân sau của Trương Hứa chăng? Nếu không tại sao đất xa mấy vạn dặm, thời cách hơn ngàn năm mà lòng nghĩa gan trung như cùng đúc từ một lò thề!”. Lúc hai ông bị vây ở Bình Định, thế địch hung hăng, đem trọng binh ép sát bốn phía thành, trong ngoài thanh viện cách tuyệt, hai ông giữ thành lẻ loi kim chân giặc mạnh, lấy trung nghĩa khích lệ tướng sĩ, bày kế chống chọi, không ít lần đánh bại quân địch suốt ba năm.

Thế Tổ Cao Hoàng Đế ta nhân cơ hội ấy đánh vào chỗ bỏ trống, thu phục kinh đô cũ Phú Xuân, thật là do mật số của hai ông. Một câu “Kinh đô Phú Xuân đổi lấy mạng thân”<sup>(3)</sup> trọng nước khinh thân, tài thức can đảm chót vót ngàn thuở, than ôi cao thay. Mà cùng mất với thành, ném gian khó trăm trận, trải cay đắng mấy năm, đến khi đao gãy lương hết, không còn cách nào giữ được mà sau đó đem trường oanh liệt làm đất yên vui, chết cho nước tỏ lòng trung. Trước đó lấy sự trầm tĩnh quả cảm, cơ trí tài lược trăm lần tỏa chiết không hề nao núng làm tấm gương hàng trăm hàng ngàn năm cho người giữ đất, thì một cái chết có quan hệ rất lớn. Phàm chết vì nạn nước giữa khi loạn lạc có được một người đã là hiếm hoi, đây lại cùng lúc cùng nơi thung dung tụ nghĩa không chịu sau nhau, không phải càng là cái khó trong cái khó sao. Và lại thân chết mà thuộc hạ đem thân chết theo càng là việc xưa nay ít có. Xem mấy lời Võ công nói với tướng sĩ “Ta phụng mệnh giữ thành phải còn mất với thành, bỏ thành để trộm sống thì còn mặt mũi nào nhìn thấy chúa thượng”, lời Ngô công trả lời Võ công “Tướng quân có thể vì nước tử nạn, Tòng Châu lại không thể làm tôi tận trung sao?”, moi tim trải máu, sau ngàn năm nghe thấy còn đập bàn nắm tay cảm xúc phấn chấn vô hạn, hướng hồ những người cùng trong thành nguy nan chính mắt nhìn thấy lòng trung nghĩa thể hiện ra lời lẽ ý khí sao. Người cảm nhận sâu xa tới mức quên cái chết cam lòng chết theo không phải ngẫu nhiên đâu.

Ôi, hai ông chết rồi mà phong thái hùng nghị khảng khái vẫn bàng bạc trong khoảng đất trời, sĩ đại phu nghe thấy khí tiết không ai không hướng về đền miếu ở Bàn Thành vái lạy, một làn hương thơm, giống như có lời kêu gọi mà không thể tự mình kiềm chế vậy. Từ đó biết trung nghĩa cực điểm làm động lòng người, có sức hút vô hình, về việc có ích cho nước nhà, quan hệ với phong giáo đã sâu lại xa vậy. Từ đó thấy lập đức lập công lập ngôn, cổ nhân có ba điều bất hủ, hai ông không gom mà có cả, mà còn hơn chẵn. Hôm nay lên lầu Bát Giác truy điệu, hai ông hiển dâng huyết mệnh không những trên báo quân quốc mà còn vun đắp cương thường, giềng đất lập cột trời tôn, sông núi nước Nam còn lắm liệt có sinh khí thì hai ông vẫn không mất vậy. Lại nhớ Trương Hứa che chở Giang Hoài, chệt cứng tay phải địch quân, đem một chết mà nhà Đường nhờ đó dựng lại được, triều ta khôi phục cựu đô, liệu địch trọn mưu là nhờ hai ông, cũng là dùng một cái chết làm nên vũ công đệ nhất thời trung hưng. Miếu mạo ở Tuy Dương cùng đền thờ ở Bàn Thành cao ngất, về công đức lưu lại<sup>(4)</sup> thì Trương Hứa cũng không thể riêng dương danh ở trước vậy.

Nay trùng tu việc xong, thấp hương rửa tay viết lại sự lớn lao. Trộm ngụ ý nhớ đức cao đường sáng,<sup>(5)</sup> người trong nước nhìn thấy ắt có kẻ tỏ ý đồng tình. Còn như tài trí thao lược, huân công chinh phạt của hai ông dự vào thịnh điển tôn vinh của quốc triều, liệt truyện đều có chép, kính sao vào bình phong không phải là nhiều lời.

Tháng 4 năm Mậu Dần Bảo Đại thứ 13 (1938), Phó bảng khoa Ất Mùi Thành Thái, Thượng thư trí sự Biều Xuyên Đào Phan Duân kính soạn, Tiến sĩ trước Minh Viên Huỳnh Thúc Kháng kính nhuận sắc.

Thượng thư trí sự Biều Xuyên Đào Phan Duân, Tham tri trí sự Kỳ Phong Đặng Cao Đệ, Thống chế trí sự Hương Phó Hồ Văn Thù trong hội đồng tu bổ kính khắc.

Đền miếu tỏ hai trung, như trời đất miên man còn mãi,

Lâu đài còn bát giác, cùng núi sông lặng lẽ thanh cao.

Kính bái đề.

\*  
\*     \*

Ngoài Thống chế trí sự Hồ Văn Thù mà tiếc là chúng tôi chưa tìm hiểu được tiểu sử, ba người được khắc tên trong bài ký này đều là nhân vật có lai lịch. Huỳnh Thúc Kháng là một chí sĩ yêu nước ai ai cũng biết nên ở đây không cần nhiều lời, trong nguyên bản khắc là “Tiền Tiến sĩ” (Tiến sĩ trước) vì ông đã bị triều đình nhà Nguyễn truất danh hiệu Tiến sĩ trong vụ án Trần Quý Cáp năm 1908.

Đào Phan Duân là người làng Biều Chánh huyện Tuy Phước tỉnh Bình Định, sinh năm Giáp Tý 1864, đỗ Cử nhân trường Bình Định khoa Giáp Ngọ 1894, đỗ Phó bảng kỳ thi Hội khoa Ất Mùi 1895, năm 1925 đang giữ chức Tuần phủ Khánh Hòa thì từ quan, năm 1946 là Chủ tịch danh dự Mặt trận Liên Việt huyện Phù Cát. Ngoài ra một tờ tâu của Phủ Phụ chính ngày 13 tháng 1 năm Duy Tân thứ 5 (1911) cho biết vào thời điểm ấy Đào Phan Duân đang là Án sát Nghệ An, được giữ nguyên hàm Quang lộc tự khanh điều bổ làm Phủ doãn phủ Thừa Thiên (*Châu bản triều Nguyễn*,<sup>(6)</sup> Duy Tân tập 30, tờ 9). Tên hiệu Biều Xuyên của ông có lẽ lấy từ tên làng Biều Chánh.

Đặng Cao Đệ theo *Quốc triều Hương khoa lục* của Cao Xuân Dục là người xã Kỳ Sơn huyện Tuy Phước tỉnh Bình Định, đỗ Cử nhân trường Bình Định khoa Canh Tý 1900 năm 32 tuổi, tức sinh năm Kỷ Ty 1869. Một tờ tâu của Bộ Hình ngày 3 tháng 11 năm Duy Tân thứ 1 (1907) cho biết vào thời điểm ấy Đặng Cao Đệ đang là Lang trung Bộ Hình (*Châu bản triều Nguyễn*, Duy Tân tập 5, tờ 169). Tên hiệu Kỳ Phong của ông có lẽ lấy từ tên làng Kỳ Sơn.

Chắc chắn còn có nhiều điều phải nói thêm về bài ký này nhưng cần có thời gian và tư liệu nên ở đây chỉ có thể nêu ra vài điều nổi bật. *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập* (hoàn thành năm 1899) và *Đại Nam nhất thống chí* (hoàn thành năm 1909) đều ghi tên đền là **Chiêu Trung**, nhưng tên trong bài ký là **Hiển Trung**, nếu



**Ảnh 1:** Tấm 1 khắc đoạn mở đầu bài *Trùng tu Hiên Trung từ ký* được lưu giữ ở nhà ông Thái Cấn (Ảnh chụp năm 2011).



**Ảnh 2:** Tấm 2 được lưu giữ ở lăng Võ Tánh (Ảnh chụp năm 2011).



**Ảnh 3:** Đoạn cuối bài *Trùng tu Hiên Trung từ ký* nói tới việc Huỳnh Thúc Kháng nhuận sắc (Tấm 4).



**Ảnh 4:** Đoạn cuối bài *Trùng tu Hiên Trung từ ký* có tên ba người Đào Phan Duân, Đặng Cao Đệ, Hồ Văn Thủy (Tấm 4).



là tên được đổi thì chỉ có thể sau 1909, đây là một trong những điều cần được tiếp tục tìm hiểu.

Để tìm hiểu sâu hơn về bài ký này, cần lưu ý tới thời điểm ra đời của nó, vì sự kiện quân Nhật tấn công Trung Quốc năm 1937 chính là màn mở đầu của Chiến tranh Thế giới thứ hai, và nhiều người Việt Nam lúc bấy giờ mà nhất là tầng lớp trí thức đều dự cảm về một điều gì đó có thể xảy ra cho dân tộc và đất nước. Việc trùng tu đền Chiêu Trưng - Hiền Trưng thờ hai công thần trung hưng bậc nhất của triều Nguyễn nói chung cũng như bản thân tác phẩm nói riêng cần được đặt vào bối cảnh lịch sử ấy. Đáng nói là mặc dù mang nhan đề như một bài ký về việc trùng tu, tác phẩm này lại chỉ có vài chữ về việc trùng tu (*Tu giả trùng tu siển sự* - Nay trùng tu việc xong), ngoài ra đều là ca ngợi tấm gương hy sinh của Võ Tánh và Ngô Tông Châu. Dĩ nhiên Võ Tánh và Ngô Tông Châu vốn là liệt sĩ của triều Nguyễn nhưng tập quán coi triều là nước trước kia đã biến họ thành anh hùng của toàn dân tộc từ thế kỷ XIX trở đi, tình hình này vẫn kéo dài đến thời Pháp thuộc, đặc biệt là trên địa bàn miền Trung, “chỗ trũng” cuối cùng ở Việt Nam trong việc lưu giữ những giá trị lịch sử xuất hiện dưới thời Nguyễn. Đặt vào bối cảnh Việt Nam năm 1938, việc tái tạo và cách tái tạo một giá trị gần như không thể tái tạo như vậy có lý do cụ thể của nó, lý do này nằm trong chính nhận thức và tình cảm của những người tái tạo. Dự cảm về thời cuộc sắp tới ở những nhân sĩ - quan lại tham gia việc trùng tu này đã khiến nội dung bài ký có một sắc thái đặc thù đơn nhất. Chẳng hạn về sau trong câu liễn đối cuối bài ký “Lâu đài còn bát giác, cùng núi sông lặng lẽ thanh cao” ít nhiều cho thấy họ khẳng định giá trị Võ Tánh và Ngô Tông Châu không phải với thái độ nhập cuộc và nhằm kêu gọi hành động, mà bằng tâm lý chịu đựng và để khẳng định niềm tin.

Về hình thức nghệ thuật thì dễ nhận ra bài ký này ít dùng điển cố, những trường hợp như “Lỗ điện Linh Quang”, “Cao sơn cảnh hàng” là rất ít ỏi, câu chữ cũng ít đăng đối kiểu văn chương biền ngẫu, thậm chí những chỗ như “hữu vô hình chi hấp dẫn lực” (có sức hút vô hình) còn cho thấy đây là một tác phẩm Hán văn mang màu sắc hiện đại, nhưng được những bậc khoa bảng như Đào Phan Duân chấp bút và Huỳnh Thúc Kháng nhuận sắc, nó vẫn tuân thủ những quy phạm của Hán văn truyền thống, không có những chỗ cộc cạch hay ngô nghê như một số tác phẩm văn xuôi Hán văn xuất hiện ở Việt Nam trong thời gian 1919 - 1945.

Sau cùng, chắc chắn nhiều người sẽ quan tâm tới việc nguyên bản bài ký này đang được lưu giữ ở đâu. Năm 2011, những người tiếp xúc với tư liệu này cũng đã rất bất ngờ với hiện trạng nguyên bản. Như đã nói ở trên, văn bản bài ký vốn được khắc trên bốn tấm bình phong, nhưng hai tấm 2 và 3 thì được lưu giữ ở lăng Võ Tánh trong khu vực thành Hoàng Đế thị xã An Nhơn tỉnh Bình Định, còn hai tấm 1 và 4 lại được lưu giữ ở nhà riêng của ông Thái Cần tại thôn Nam Tân xã Nhơn

Hậu cũng thuộc thị xã An Nhơn! Tác giả Nguyễn Thanh Quang trong bài “Từ việc thờ phụng Võ Tánh và Ngô Tùng Châu: Một góc nhìn vào tâm hồn người Bình Định”, báo *Bình Định* ngày 1/11/2014 có nhắc tới bài ký này với hai trích đoạn được dịch là “...Ôi! Ai người chẳng chết? Chết mà có ích cho nước nhà, có lợi cho phong hóa tức là chẳng chết... Nay việc trùng tu đã xong, rửa tay đốt hương kính cẩn viết những nét đại cương, ngụ ý bày tỏ lòng kính ngưỡng bậc có công đức vĩ đại như núi cao đường lớn...”,<sup>(7)</sup> nhưng so sánh thì chỉ là dịch từ phần nguyên văn thuộc tấm 1 và tấm 4 tức hai tấm được giữ ở nhà ông Thái Cần. Cho nên nếu hiện nay các cơ quan chức năng ở tỉnh Bình Định chưa biết hai tấm 2, 3 “không đầu không đuôi” ở lăng Võ Tánh chỉ mới là một nửa văn bản thì hy vọng việc giới thiệu tác phẩm này có thể góp phần giúp cho nguyên bản bài *Trùng tu Hiển Trung từ ký* được gom về một mối sau khi bị xé lẻ suốt nhiều năm...

2015 - 2017

C T T

### CHÚ THÍCH

- (1) Nguyên bản khắc làm là “hạ trọng”, đây đính lại như trên.
- (2) *Trương Tuần, Hứa Viễn*: hai danh thần nhà Đường. Trương Tuần người Nam Dương, Trịnh Châu, thi đỗ Tiến sĩ cuối niên hiệu Khai Nguyên, lúc An Lộc Sơn và Sử Tư Minh làm phản chống nhà Đường ông đang là Huyện lệnh Trấn Nguyên. Huyện lệnh Ung Khâu Lệnh Hồ Triều theo hàng An Sử, Trương Tuần mang quân tới giữ Ung Khâu, chống địch lập nhiều công lao, nhưng quân ít lương thiếu phải tới Tuy Dương hội quân với Hứa Viễn. Hứa Viễn người Tân Thành Hàng Châu, lúc An Sử làm phản được cử làm Thái thú Tuy Dương. Sau khi Trương Tuần tới Tuy Dương, hai người đồng tâm hiệp lực chống địch, giữ thành Tuy Dương lẻ loi chặn đứng đường qua Giang Hoài của quân An Sử hơn một năm, sau cùng thành bị phá, hai ông đều bị bắt, không chịu hàng đều tuẫn tiết, về sau được coi là những điển hình trung thần giữ thành chống giặc, đây ví với việc Võ Tánh và Ngô Tùng Châu giữ thành Bình Định.
- (3) *Kinh đô Phú Xuân đổi lấy mạng thân*: nguyên văn là “Xuân kinh để thân mệnh”, là câu trong mật sớ của Võ Tánh gửi cho Nguyễn Ánh đề nghị không giải vây thành Bình Định mà đem quân cường tập đánh chiếm Phú Xuân năm 1801, được Quốc Sử Quán triều Nguyễn chép lại trong *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập* quyển 6, *Chư thần liệt truyện* quyển 3, *Truyện Võ Tánh*.
- (4) *Công đức lưu lại*: nguyên văn là “Lỗ điện Linh Quang”, lấy tích Lỗ Cung Vương Lưu Dư con Hán Cảnh Đế được phong ở nước Lỗ xây nhiều cung thất đài tạ, về sau nhà Hán suy vi, cung điện đền đài các nơi đều hư hỏng đổ nát, duy điện Linh Quang ở Khúc Phụ nước Lỗ vẫn còn nguyên vẹn, về sau người ta dùng tích này ví với những giá trị sau nhiều biến cố vẫn tồn tại, đây ví với công tích thanh danh của Võ Tánh và Ngô Tùng Châu.
- (5) *Đức cao đường sáng*: nguyên văn là “Cao sơn cảnh hàng”, lấy ý câu trong *Thi, Tiểu nhã, Xa hạt* “Cao sơn ngưỡng chỉ, Cảnh hàng hành chí” (Núi cao ngẩng theo, Đường sáng đi theo), chỉ việc ngưỡng mộ đức tốt, noi theo điều hay.

- (6) *Châu bản triều Nguyễn*, hiện được lưu giữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, Hà Nội.
- (7) Xem thêm: <http://www.baobinhding.vn/viewer.aspx?macm=18&macmp=18&mabb=30656>.

## TÓM TẮT

Đền Chiêu Trung (sau đổi tên là Hiển Trung) là nơi thờ hai vị trung thần Võ Tánh và Ngô Tông Châu thời Nguyễn. Năm 1938, đền được một số nhân sĩ và quan lại ở miền Trung đứng ra tu bổ và soạn bài ký *Trùng tu Hiển Trung từ* ghi lại sự việc này.

Ngoài việc cung cấp toàn văn nguyên tác chữ Hán và bản dịch bài *Trùng tu Hiển Trung từ* ký, tác giả bài viết còn phân tích một số điểm nổi bật như thời điểm ra đời, nội dung, hình thức nghệ thuật của tác phẩm. Đặc biệt là thông tin về tình trạng bảo quản nguyên bản bài ký vốn được khắc trên 4 tấm gỗ, hiện đang bị xé lẻ ở 2 địa điểm: lăng Võ Tánh và một tư gia, đều ở tại thị xã An Nhơn thuộc tỉnh Bình Định.

## ABSTRACT

### THE TEXT OF *TRÙNG TU HIỂN TRUNG TỪ* KÝ IN CHIÊU TRUNG TEMPLE IN BÌNH ĐỊNH PROVINCE

Chieu Trung Temple (then renamed Hiển Trung) was built to worship two martyrs Võ Tánh and Ngô Tông Châu in the Nguyễn dynasty. In 1938, the temple was renovated by the notables and mandarins in the Central Vietnam, and the journal of *Trùng tu Hiển Trung từ* recorded that work.

Apart from providing the full text of the original text in Chinese script and the translation of *Trùng tu Hiển Trung từ*, the author also analyzed some outstanding features, such as the time of appearance, content and art form of the work. Especially the information about the conservation status of the originals, which were carved on four wooden boards, being kept in two places: Võ Tánh tomb and in a private house, both in An Nhơn town, Bình Định province.